TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2019.
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Út Nhỏ.

2. Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao *tham gia phiên toà:* Ông Phan Hoài Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 về: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị U – sinh năm 1978, có mặt.

Nơi cư trú: ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Phạm Phi L - sinh năm 1970, vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp A, xã V, huyện G, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/9/2018, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị U như sau: Bà kết hôn với ông Phạm Phi L vào năm 2000, hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, ngày 26/10/2005.

Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống hạnh phúc được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình ông L thay đổi, ông L thường hay nhậu nhẹt, khi nhậu say về nhà ông L quậy quạng, đập phá đồ đạt trong nhà, chửi bới, đánh đập vợ con, bà cố gắng sống chịu đựng từ năm 2015 cho đến nay, bà nhiều lần nhờ chính quyền địa phương can thiệp, hoà giải ông L hứa sửa đổi nhưng sau đó ông vẫn chứng nào tật nấy nên vợ chồng bà sốn ly thân được một năm nay. Sau thời gian mâu thuẫn và sống ly thân bà xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, nên bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Phi L.

Thời gian chung sống với nhau vợ chồng bà có 02 đứa con chung với nhau tên Phạm Thị Mỹ N – sinh ngày 25/12/2000 và Phạm Thanh H – sinh ngày 15/7/2003.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng bà không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau khi vợ chồng bà ly hôn mà có người kiện vợ chồng bà đòi nợ chung thì bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Nguyện vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Phạm Phi L.

Về con chung: Bà xin nuôi con chung là cháu Phạm Thanh H – sinh ngày 15/7/2003 và không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Phạm Thị Mỹ N – sinh ngày 25/12/2000 hiện đã trưởng thành và có cuộc sống ổn định nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Phi L đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông L không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị U vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Phạm Phi L và bà yêu cầu được nuôi con chung là cháu Phạm Thanh H – sinh ngày 15/7/2003 và không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang có ý kiến: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, thời hạn giải quyết vụ kiện đúng quy định. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố

tụng; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp của bà Lê Thị U và ông Phạm Phi L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Phạm Phi L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông L không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Phạm Phi L.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị U và ông Phạm Phi L kết hôn với nhau vào năm 2000, hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 73, ngày 26/10/2006, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của bà U và ông L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Tòa án nhân dân huyện Gò Quao đã làm việc với ông Trần Hoàng H là Trưởng ấp A, xã V để xác minh về tình trạng hôn nhân của bà U và ông L. Qua xác minh ông Trần Hoàng H cho biết ông L có hộ khẩu tại ấp A, xã V, huyện G. Ở địa phương ông L là người lười lao động lại uống rượu ghiền, gia đình ông L và bà U thường hay cãi vả, đôi khi đánh nhau gây mất an ninh trật tự. Ban lãnh đạo ấp A, xã V đã hoà giải, động viên nhiều lần, công khai hóa đối với ông L tuy nhiên vợ chồng ông L và bà U vẫn không khắc phục được.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của bà U và ông L là hôn nhân do mai mối được cha mẹ sắp đặt nên ông bà không có cơ hội tìm hiểu về cá tính của nhau trước khi kết hôn, tuy nhiên ông bà có thời gian chung sống hạnh phúc là 15 năm, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến gia đình mất hạnh phúc. Theo bà U trình bày chồng bà thường hay nhậu nhẹt, khi nhậu say về nhà ông L quậy quạng, đập phá đồ đạt trong nhà, chửi bới, đánh đập vợ con, bà cố gắng sống chịu đựng từ năm

2015 cho đến nay, bà nhiều lần nhờ chính quyền địa phương can thiệp, hoà giải ông L hứa sửa đổi nhưng sau đó ông vẫn chứng nào tật nấy, qua xác minh nhận thấy những gì bà U trình bày là đúng sự thật. Ngày 13/3/2019 và ngày 29/3/2019 Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích để vợ chồng ông bà đoàn tụ ông L nhận được thông báo của Tòa án nhưng ông L không có mặt tại Tòa án còn bà U thì cương quyết xin ly hôn với ông L. Xét thấy vợ chồng bà U và ông L thường xuyên mâu thuẫn làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự ở địa phương do ông L uống rượu ghiền lại hay quậy quạng, mặc dù chính quyền địa phương can thiệp nhiều lần nhưng không có kết quả, bản thân bà U không muốn hàn gắn với ông L, cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà trầm trọng, mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, tại phiên tòa bà U tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu thương ông L vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà U.

[4] Về con chung: Bà U và ông L có 02 người con chung tên Phạm Thị Mỹ N – sinh ngày 25/12/2000 và Phạm Thanh H – sinh ngày 15/7/2003. Hiện cháu Mỹ N đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà chỉ yêu cầu nuôi cháu Phạm Thanh H – sinh ngày 15/7/2003. Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án không ghi nhận được ý kiến nào của ông L về con chung tuy nhiên cháu Thanh H có nguyện vọng xin được sống chung với bà U. Xét thấy yêu cầu của bà U phù hợp với nguyện vọng của cháu H và hiện ông L đã bỏ địa phương đi không rõ địa chỉ nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Phạm Thanh H – sinh ngày 15/7/2003 cho bà U tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được quyền ngăn cản ông thực hiện quyền này.

Các đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Lê Thị U không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị U không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[7] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Lê Thị U phải chịu nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án

phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0000985, ngày 18/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 28, 35, 147 và 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị U.

Về hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị U và ông Phạm Phi L được ly hôn với nhau.

Về con chung: Giao cháu Phạm Thanh H – sinh ngày 15/7/2003 cho bà Lê Thị U tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng ông được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được quyền ngăn cản ông thực hiện quyền này.

Các đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị U phải chịu nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0000985, ngày 18/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phan Thị Thùy Trang